

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST.
Ngày: 15-5-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Nguyễn Thị Lê Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS, ngày 06 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Nguyên V, sinh năm 1983 tại Vĩnh Long; nơi cư trú: đường H, Phường P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Bùi Quốc D (chết).

Người đại diện theo pháp luật cho bị hại D: Ông Bùi Quốc V, bà Phạm Thị T (Cha, Mẹ ruột bị hại D), nơi cư trú: đường Trương Công Đ, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, bà T có mặt, ông V vắng mặt.

- Bị hại: Ông Bùi Quốc V và bà Phạm Thị T, cùng nơi ở hiện nay: Ấp 2, xã An T, huyện B, tỉnh Tiền Giang, ông V vắng mặt, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, nơi cư trú: đường Đinh H, Phường P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Ông Phạm Đức T, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

- Bà Đặng Kim L, nơi cư trú: Khóm A, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Thành H, nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 30/5/2017, Trần Nguyên V có uống rượu cùng với anh T (không rõ họ, tên địa chỉ) tại xã H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đến 20 giờ cùng ngày V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B1-635 đi trên đường Quốc lộ 1 để về nhà tại đường Đinh H, Phường P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, khi chạy qua Công chào thành phố V hướng về cầu C thì V không làm chủ được tay lái để xe đâm sang trái đường đụng vào xe mô tô biển kiểm soát số 63B1-336 do anh Bùi Quốc V điều khiển chở vợ ngồi sau là chị Phạm Thị T cùng người con là cháu Bùi Quốc D đang đứng ở giữa anh V và chị T, tai nạn xảy ra tất cả được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long cấp cứu, do chấn thương nặng nên Bùi Quốc D được đưa đến Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ điều trị đến ngày 31/5/2017 thì cháu D tử vong, chị T bị thương nặng nên chuyển đến Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 05/6/2017 được xuất viện, Trần Nguyên V bị thương nặng được chuyển đến Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ điều trị đến ngày 13/6/2017 thì được xuất viện.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 96/2017/TTh ngày 07/6/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Vĩnh Long kết luận, nguyên nhân tử vong của Bùi Quốc D là do chấn thương sọ não.

Kết luận giám định thương tích số: 06/2018/TgT ngày 12/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Vĩnh Long kết luận, thương tích của Phạm Thị T, gãy hờ 1/3 giữa xương đùi phải, tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 25%, Bùi Quốc V từ chối giám định thương tích.

Hiện trường vụ tai nạn được xác định tại dốc cầu C, mặt đường chia thành hai chiều xe chạy bằng vạch kẻ màu trắng rộng 10cm, đoạn đường hơi cong và nghiêng sang trái theo hướng cầu C về vòng xoay N, mặt đường bằng bê tông, tầm nhìn không bị che khuất, mỗi chiều xe chạy chia thành hai làn đường rộng 3,55m,

xác định mốc nơi xảy ra tại nạn là trụ đèn số 08, lề chuẩn là lề bên phải theo hướng cầu C về hướng vòng xuyên N.

Vùng va chạm nằm trên mặt đường bên phải theo hướng đi từ cầu C đến vòng xuyên N, cách mép đường bên phải là 4,91m, vùng va chạm đến đầu vệt cày xe mô tô biển kiểm soát số 63B1-336 là 0,90m, vùng va chạm đến đầu vệt cày xe mô tô 64B1-635 là 2,22m, vùng va chạm đến điểm mốc (trụ đèn số 8) là 7,90m.

Khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát số 64B1-635, ghi đồng bên phải bị cong hướng từ trước về phía sau, từ trên xuống dưới, ốp nhựa tay cầm bên phải bị rơi mất, ốp nhựa phía trước ghi đồng bị bể hoàn toàn, chắn bùn trước bị bể hoàn toàn, giảm sóc trước bên phải bị cong về sau so với trụ cố định, đèn tín hiệu trước và đèn chiếu sáng bị rơi khỏi vị trí cố định, chắn gió bên phải bị bể, ốp nhựa thân xe phía dưới ghi đồng bị bể, chân phanh bị cong từ trước về sau từ dưới lên trên, cao su bị mài mòn, ống xả khói bị móp trầy xước kim loại có kích thước 7x4cm, trụ bắt gác chân sau bên phải bị gãy.

Khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát số 63B1-336, gương chiếu hậu bên phải bị rơi, đầu trục bắt gương chiếu hậu bên phải bị mài mòn, đầu tay cầm bên phải bị cong hướng từ trước về sau và chóc sơn, tay thắng bị gãy, ghi đồng bên phải bị cong từ trước về sau, ốp nhựa phía trên ghi đồng bị gãy, bể trầy xước, ốp nhựa đèn chiếu sáng bị bể kích thước 14 x 9cm, ốp nhựa đèn tín hiệu trước bên phải bị bể có kích thước 14 x 9cm, búng chắn gió bên phải bị bể có kích thước 6 x 3cm, lóc máy bên phải bị mài mòn kim loại hướng từ trước về sau có kích thước 10 x 5cm, thanh kim loại công trầy lóc máy bị gãy rời, chân phanh bị cong hướng từ trước về sau, đầu chân phanh bị mài mòn kim loại, gác chân trước kim loại bị cong từ trước về sau, ốp nhựa thân xe bên phải bị bun hở, cần đạp số bị cong về sau trầy xước kim loại, gác chân sau bên phải bị cong từ trước về sau, ống xả khói bị móp và trầy xước.

Qua xác định lỗi đã xác định, lỗi hoàn toàn thuộc về Trần Nguyên V điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, điều khiển xe trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50miligam/100mililit máu, vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu V bồi thường các khoản tổng cộng là 316.500.000 đồng, gia đình V đã thỏa thuận bồi thường trước 17.000.000 đồng, còn lại tiếp tục yêu cầu V bồi thường.

Xe mô tô biển kiểm soát số 63B1-336 là của anh Phạm Đức T cho Bùi Quốc V mượn đi chơi, anh T đã nhận lại xe tự sửa chữa không yêu cầu bị cáo bồi thường, xe mô tô biển kiểm soát số 64B1-635 là của V mua lại chưa sang tên, xe không tham gia bảo hiểm.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS, ngày 23/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Trần Nguyên V về tội “Vi phạm quy định về điều

khẩn trương giao thông đường bộ" theo điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Bị hại (bà T cũng là đại cho bị hại (cháu D) tại phiên tòa có ý kiến yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi hoàn số tiền 299.500.000 đồng cho các khoản bị thiệt hại, ông V vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N trình bày đồng ý cho bị cáo số tiền 17.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại, ông T trình bày đã nhận lại xe không yêu cầu bị cáo bồi hoàn tiền sửa xe.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số : 21/CT-VKS, ngày 23/3/2018 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tố bị cáo Trần Nguyên V về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, về vật chứng đề nghị trả cho bị cáo một giấy phép lái xe và một xe mô tô, nhưng tạm quản lý xe mô tô để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo, bị hại (bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà N) không có ý kiến tham gia tranh luận. Ông T thì ý kiến đề nghị bị cáo có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại liên chứ không trả từ từ như bị cáo đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, bị cáo xin lỗi bị hại và xin nhận hình phạt do pháp luật quy định*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 “2. Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm”:

“b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng”; tại khoản 8 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ quy định “Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ còn vượt quá 50miligam/100mililit máu hoặc 0,25miligam/1 lít khí thở”. Tại kết quả xét nghiệm ngày 30/5/2017 thì trong máu của bị cáo V có nồng độ cồn 172miligam/100mililit máu, vì lẽ đó mà bị cáo không làm chủ được tay lái để xe lấn sang lề trái gây ra tai nạn (vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ). Từ hành vi và hậu quả mà bị cáo V gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và hiện trường vụ án. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tố bị cáo Trần Nguyên V về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo tham gia giao thông, điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ mà không chấp hành Luật Giao thông đường bộ để xảy ra tai nạn, xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác, bị cáo ý thức được hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng do bị cáo uống quá nhiều rượu khi điều khiển phương tiện giao thông, không làm chủ được tay lái, nên hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra. Xét thấy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình trật tự an toàn giao thông tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) thì điều luật quy định không có lợi cho bị cáo, nên áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử bị cáo theo điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố đối với bị cáo là hợp lý.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị

cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, phạm tội lần đầu, gia đình có người thân tham gia Cách mạng, có bà Nội được phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt cho bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét, quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt. Đồng thời việc đề nghị của Kiểm sát viên về phân dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa, bị cáo và bị hại tự thỏa thuận, bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền 316.500.000 đồng, trừ lại số tiền 17.000.000 đồng đã bồi hoàn trước đó, việc thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; 591 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[7] Về vật chứng, hiện nay Cơ quan điều tra có giữ 01 giấy phép lái xe và một xe mô tô biển kiểm soát số 64B1-635 của bị cáo, đây là tài sản của bị cáo, mặc dù tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại xe mô tô, nhưng vẫn phải trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuy nhiên, cần tiếp tục quản lý xe mô tô để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng và số tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Trần Nguyên V phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Nguyên V - 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. *Trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; 591 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo và các bị hại tại phiên tòa, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Quốc V, bà Phạm Thị T (bị hại và đại diện cho bị hại D) số tiền 316.500.000

đồng (Ba trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng), trừ lại 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) đã bồi hoàn trước, còn lại 299.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi hoàn.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bị cáo một giấy phép lái xe Hạng A1 số: 860151008373 do Sở giao thông vận tải Vĩnh Long cấp ngày 21/4/2016 mang tên Trần Nguyên V và một xe mô tô biển kiểm soát số 64B1-635 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2018 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V), nhưng tiếp tục quản lý xe mô tô biển kiểm soát số 64B1-635 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Bị cáo Trần Nguyên V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 14.975.000đ (Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại (ông V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà L) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng**

